TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/DS-PT
Ngày 22 tháng 01 năm 2024
Về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng; yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Lễ.

Các Thẩm phán:

1. Ông Trương Văn Hai

2. Bà Phạm Thị Minh Châu

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Loan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Phạm Trường San – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 18 và 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 323/2023/TLPT-DS ngày 29 tháng 11 năm 2023 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng; yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2023/DS-ST, ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 340/2023/QĐXX-PT ngày 29 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ngân hàng NNPTNT VN (A); địa chỉ trụ sở: Số 02, LH, quận Ba Đ, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Giang Thanh N, chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch và kinh doanh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Chi Lăng, tỉnh An Giang, là đại diện theo ủy quyền theo Quyết định về việc ủy quyền thực hiện nhiệm vụ xử lý nợ số 30/QĐ-NHNo-CL ngày 05/9/2017; có mặt

2 Bị đơn: Ông Lê Thanh L, sinh năm 1967;

Nơi cư trú: Ấp Tân H, xã Tân L, thị xã TB, tỉnh AG.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Huỳnh Minh H, sinh năm 1967, nơi cư trú: Số 543B đường Võ Thị S, tổ 52, khóm Đông An 4, phường MX, thành phố LX, tỉnh AG, là đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 21/3/2022. có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, là Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn M thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: số 27 đường Trần Ph, khóm LTh C, phường LH, thị xã TC, tỉnh AG. có mặt

3 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ủy ban nhân dân xã Tân L, thị xã TB, tỉnh AG. Vắng mặt

3.2 Ông Lê Thanh Ph, sinh năm 1982. Vắng mặt

3.3 Bà Lê Thị Kim H, sinh năm 1985. Vắng mặt

Cùng cư trú: Ấp Bình Y, xã Bình Th, huyện Châu Ph tỉnh AG.

3.4 Ông Lê Tấn Đ, sinh năm 1993; Vắng mặt

Nơi cư trú: Ấp Bình A2, xã An H, huyện ChTh, tỉnh AG.

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Thanh Ph, bà Lê Thị Kim H, ông Lê Tấn Đ: ông Huỳnh Minh H, sinh năm 1967; nơi cư trú: số 543B đường Võ Thị S, tổ 52, khóm Đông A 4, phường M X, thành phố L X, tỉnh AG là đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 21/3/2022 và ngày 22/3/2022. Vắng mặt

3.5 Ông Lê Tấn Đ, sinh năm 1996; Vắng mặt

Nơi cư trú: I7-9, khu vực Th Th, phường Phú Th Quận Cái R, thành phố CTh.

3.6 Ông Lê Tấn Th, sinh năm 2000; Vắng mặt

Nơi cư trú: khóm ĐTh 2, phường MPh, thành phố LX, tỉnh AG.

3.7 Ông Chau SaRa V, sinh năm 1977; hiện đang chấp hành án tại Trại giam CL;.

3.8 Ông Huỳnh Bửu L, sinh năm 1963; Vắng mặt

Nơi cư trú: Khóm XH, phường TB, thị xã TB, tỉnh AG.

3.9 Ông Phan Ngọc Ch, sinh năm 1962; Vắng mặt

Nơi cư trú: Khóm ST, phường ThS, thị xã TB, tỉnh AG.

3.10 Ông Lê Văn T, sinh năm 1969; Vắng mặt

Nơi cư trú: Khóm PH, phường AP, thị xã TB, tỉnh AG.

3.11 Ông Nguyễn Kiên B, sinh năm 1979; Vắng mặt

Nơi cư trú: Ấp TB, xã Tà Đ, huyện TrT, tỉnh AG.

4. Người kháng cáo: Ông Lê Thanh L là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện của NH NNPTNTVN *có ông* Ông Giang Thanh N *trình bày:* Ngày 05/8/2011, ông Lê Thanh L (sau đây gọi tắt là ông L hoặc bị đơn) ký Hợp đồng tín dụng số 193/2011/HĐTD (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng số 193) với NHNNPTNT VN- chi nhánh Chi L (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) vay số tiền 750.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, hạn trả cuối cùng ngày 05/8/2012, mục đích vay sản xuất lúa, sửa trẹc, mua máy gặt đập liên hợp, lãi suất cho vay trong hạn 20%, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, phương thức thanh toán trả gốc 01 lần ngày 05/8/2012, trả lãi theo định kỳ trả gốc.

Để đảm bảo khoản vay, giữa Ngân hàng với ông Long xác lập các hợp đồng thế chấp tài sản, cụ thể:

- Quyền sử dụng đất diện tích 14.904m^2 thuộc thửa đất số 02 thửa, tờ bản đồ số 03, mục đích sử dụng đất sản xuất nông nghiệp, đất tọa lạc ấp Tân Hòa, xã Tân L, huyện (nay là thị xã) TB, tỉnh AG (sau đây gọi tắt là Quyền sử dụng đất diện tích 14.904m^2) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0732lK do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) TB cấp ngày 06/10/2008 cho ông Lê Thành L, bà Nguyễn Thị Kim L1 đứng tên sử dụng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 193/2011/HĐTC ngày 05/8/2011 giữa ông Lvới Ngân hàng (sau đây gọi tắt là Hợp đồng thế chấp tài sản số 193).

- Quyền sử dụng đất diện tích 29.826m^2 thuộc thửa đất số 301, 703, tờ bản đồ số 03, mục đích sử dụng Hgđb, đất tọa lạc xã Tân L, thị xã TB, tỉnh AG, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00620 QSDĐ/lK do Ủy ban nhân dân thị xã TB cấp ngày 28/3/1994 cho ông CK đứng tên sử dụng, được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Tịnh Biên điều chỉnh biến động sang tên ông Lê Thanh Ph, bà Lê Thị Kim H ngày 21/8/2006 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 193/2011/HĐBL ngày 05/8/2011 giữa ông Lê Thanh L, ông Lê Thanh Ph, bà Lê Thị Kim H với Ngân hàng

Ông L đã nhận đủ số tiền vay 750.000.000 đồng theo Bảng kê các loại tiền NH chi ra ngày 05/8/2011 giữa Ngân hàng với ông L, có chữ ký nhận tiền của ông L. Từ khi vay đến nay, ông L chưa thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi cho Ngân hàng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông Ltrả nợ theo thỏa thuận nhưng ông L không thực hiện, không bàn giao các quyền sử dụng đất đã thế chấp để xử lý thu hồi nợ. Ngày 06/8/2012, Ngân hàng chuyển toàn bộ nợ gốc sang nợ quá hạn với lãi suất 30%/năm và áp dụng từ ngày 06/8/2012 đến nay không thay đổi, có điều chỉnh lãi suất 06 tháng/lần theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Ngày 01/7/2014, nguyên đơn khởi kiện buộc ông Long trả số tiền tạm tính đến ngày 01/7/2014 là 1.204.906.250 đồng (trong đó, nợ gốc 750.000.000 đồng, nợ lãi 454.906.250 đồng) và lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng trên số tiền gốc 750.000.000 đồng kể từ ngày tiếp theo cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp ông L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ, yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp đã ký kết để đảm bảo việc thu hồi nợ. Tổng số tiền tính đến hết ngày 28/9/2023 là: 1.626.619.792

đồng, trong đó: nợ gốc 750.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 600.979.167 đồng, nợ lãi quá hạn 275.640.625 đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Lê Thanh L - ông Huỳnh Minh H trình bày: Ngày 05/8/2011, ông Lê Thanh L có ký Hợp đồng tín dụng số 193, Bảng kê các loại tiền NH chi ra ngày 05/8/2011, Hợp đồng thế chấp tài sản số 193, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 193 với Ngân hàng. Nội dung Hợp đồng tín dụng số 193, Hợp đồng thế chấp tài sản số 193, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 193 và các tài sản thế chấp đúng như Ngân hàng trình bày. Tuy nhiên, đối với Hợp đồng tín dụng số 193, ông Long chỉ ký thủ tục để hoàn tất hợp đồng tín dụng, Ngân hàng không giải ngân số tiền vay 750.000.000 đồng, ông L không nhận tiền vay 750.000.000 đồng từ NHNNPTNTVN nhưng ông L cũng không khiếu nại vì khi đó NHNNPTNT VN chi nhánh CL đang bị thanh tra, kiểm tra. Hiện nay, tài sản bảo đảm là các quyền sử dụng đất theo 02 hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên do ông L đang quản lý, sử dụng để trồng lúa; trên đất không có vật kiến trúc, công trình nào khác.

Bị đơn không đồng ý theo toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bởi vì, ông L không được Ngân hàng giải ngân số tiền vay 750.000.000 đồng. Ngoài ra, tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 193 là quyền sử dụng đất cấp cho ông L, bà L1 nhưng bà L1 đã chết ngày 06/11/2008 (có giấy chứng tử), việc chỉ có ông Lvà Ngân hàng xác lập hợp đồng thế chấp là không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hàng thừa kế thứ nhất của bà L1 là các con của ông L1, bà L1(Lê Tấn Đạt, Lê Tấn Đ, Lê Tấn Th).

Do đó, bị đơn phản tố yêu cầu tuyên Hợp đồng tín dụng số 193, Hợp đồng thế chấp tài sản số 193 vô hiệu; yêu cầu nguyên đơn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0732lK do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) TBcấp ngày 06/10/2008 cho ông Lê Thành L. bà Nguyễn Thị Kim L1 đứng tên sử dụng cho ông L

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Tấn Đ, Lê Thanh Ph, Lê Thị Kim H - ông Huỳnh Minh H trình bày: Ông Ph, bà H không có ký tên trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 193 để bảo đảm cho khoản vay 750.000.000 đồng của ông L; do đó, không đồng ý yêu cầu duy trì, xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất diện tích 29.826m^2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 193 của nguyên đơn.

Ông Ph, bà H có yêu cầu độc lập, cụ thể: Tuyên Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 193 vô hiệu; yêu cầu nguyên đơn trả lại bản chính giấy chứng nhận đối với Quyền sử dụng đất diện tích 29.826m^2 có số vào sổ 00620 QSDĐ/lK cho ông Ph, bà H.

* Tài liệu, chứng cứ do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu độc lập là: Kết luận giám định số 274/KLGT-PC54 ngày 06/10/2015 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh AG.

- Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã TL, thị xã TB trình bày: Các hợp đồng thế chấp tài sản mà Uỷ ban nhân dân

xã TL chứng thực để ông L vay tiền Ngân hàng được thực hiện đúng quy trình, đúng nội dung yêu cầu của đương sự, nếu có sai sót đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật; có yêu cầu xin vắng mặt (bút lục 200-201; 455).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Tấn Đ, Lê Tấn Th*: Không cung cấp lời khai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chau SaRa V trình bày:* Khoảng năm 2011, ông Long có vay của Ngân hàng số tiền 750.000.000 đồng do ông Nguyễn Kiên Bình cán bộ tín dụng trực tiếp phụ trách làm thủ tục vay cho ông Long, ông Huỳnh Bửu Lộc là người ký giải ngân; ông không có liên quan đến hồ sơ tín dụng số 193/2011/HĐTD ngày 05/8/2011 giữa ông L với Ngân hàng; ông không có nhờ ông L vay dùm số tiền 750.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 193, không nhận khoản tiền nào ông Long gửi lại cho ông Lê Văn T; có yêu cầu xin vắng mặt (bút lục 460, 464).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Bửu L2 trình bày:* Trước khi ký Hợp đồng tín dụng số 193, ông L có vay của Ngân hàng số tiền 1.000.000.000 đồng nhưng không có tiền trả khi đến hạn nên giữa Ngân hàng với ông L xác lập Hợp đồng tín dụng số 193 với số tiền vay 750.000.000 đồng, ông L trả tiền mặt thêm 250.000.000 đồng; không đồng ý lời trình bày của ông Long về việc ký thủ tục vay dùm ông và ông Chau SaRa V số tiền 750.000.000 đồng mà không nhận tiền vay từ Ngân hàng; có yêu cầu xin vắng mặt (bút lục 439-440, 474).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Ngọc Ch trình bày:* Thời điểm xác lập Hợp đồng tín dụng số 193 ông là Trưởng phòng tín dụng, ông L là khách hàng thường xuyên của Ngân hàng, hồ sơ vay vốn giữa ông Long với Ngân hàng khi đó do Chau SaRa V phụ trách, trực tiếp làm hồ sơ; ông không biết ông Long có nhận tiền vay theo hợp đồng hay không, có yêu cầu xin vắng mặt (bút lục 461).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T trình bày:* Tại thời điểm xác lập Hợp đồng tín dụng số 193, ông giữ chức vụ thủ quỹ của Ngân hàng, khi này áp dụng quy trình một cửa nên cán bộ tín dụng có thể nhận tiền trực tiếp từ kho quỹ, sau đó làm hồ sơ vay cho khách hàng, tự thu, tự chi trong ngày; tất cả các khoản vay của ông L thì ông L là người trực tiếp nhận tiền, kể cả khoản vay 750.000.000 đồng, nhận tiền mặt tại kho quỹ; không biết mục đích ông Long sử dụng tiền vay, ông L không có yêu cầu ông giữ lại khoản tiền vay 750.000.000 đồng để giao lại cho ông Chau SaRa V; không có việc cán bộ tín dụng làm thủ tục giả thu, giả chi; có yêu cầu vin vắng mặt (bút lục 463, 465-466).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Kiên B trình bày:* Tại thời điểm xác lập Hợp đồng tín dụng số 193, ông là cán bộ tín dụng, trực tiếp phụ trách hồ sơ vay của ông L; toàn bộ hồ sơ vay, thế chấp, ký nhận tiền đều do ông L trực tiếp ký nhận; sau khi xem xét hồ sơ vay đầy đủ và hợp lệ, ông lập thủ tục phát vay cho ông L. Ngày 05/8/2011, ông L trực tiếp nhận tiền vay của Hợp đồng tín dụng số 193 đem trả cho vài món nợ khác mà ông L nợ Ngân hàng nên được gọi là

giả thu, giả chi; việc ông L trả cho món nợ khác là món nợ nào thì không xác định được, chỉ biết ông L trả thì Ngân hàng thu; có yêu cầu xin vắng mặt (bút lục 462).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã TB quyết định:

Căn cứ vào:

- Các Điều 91, 92, 147, 161, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 122, 127, 137, 320, 342, 471, Dân sự năm 2005; 474 và Điều 478 Bộ luật

- Các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điều 26, Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn NHNNPTNTVN.

1.1. Buộc ông Lê Thanh L trả cho NHNNPTNTVN số tiền *1.626.619.792 (một tỷ, sáu trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm mười chín nghìn, bảy trăm chín mươi hai đồng)*, trong đó:

Tiền vốn gốc là *750.000.000 (bảy trăm năm mươi triệu) đồng.*

Tiền lãi tính đến hết ngày 28/9/2023 là 876.619.792 (tám trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm mười chín nghìn, bảy trăm chín mươi hai) đồng; trong đó, tiền lãi trong hạn 600.979.167 (sáu trăm triệu, chín trăm bảy mươi chín nghìn, một trăm sáu mươi bảy) đồng, tiền lãi quá hạn 275.640.625 (hai trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn, sáu trăm hai mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày 29/9/2023 ông Lê Thanh L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 193/2011/HĐTD ngày 05/8/2011 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của NHNNPTNTVN thì lãi suất mà ông L vay phải tiếp tục thanh toán cho NHNNPTNTVN cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của NHNNPTNTVN.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của NHNNPTNTVN về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 193/2011/HĐTC ngày 05/8/2011 giữa ông Lê Thanh L với NHNNPTNT chi nhánh CLvà Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 193/2011/HĐBL ngày 05/8/2011 giữa ông Lê Thanh Ph, bà Lê Thị Kim H với NHNNPTNT chi nhánh CL.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Thanh L.

2.1. Tuyên Hợp đồng thế chấp tài sản số 193/2011/HĐTC ngày 05/8/2011 giữa ông Lê Thanh L với NHNNPTNT chi nhánh CL vô. NHNNNPTNT chi nhánh

CL giao trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0732lK do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) T B cấp ngày 06/10/2008 cho ông Lê Thành L, bà Nguyễn Thị Kim L đứng tên chủ sử dụng cho ông Lê Thanh L.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Thanh L về tuyên Hợp đồng Hợp đồng tín dụng số 193/2011/HĐTD ngày 05/8/2011 giữa NHNNPTNT chi nhánh C L với ông Lê Thanh L vô hiệu.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh Ph, bà Lê Thị Kim H về yêu cầu tuyên Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 193/2011/HĐBL ngày 05/8/2011 giữa ông Lê Thanh Ph, bà Lê Thị Kim H với NHNNPTNTchi nhánh CL vô hiệu. Buộc NHNNPTNT chi nhánh CLgiao trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00620 QSDĐ/lK do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) TB cấp ngày 28/3/1994 cho ông C K đứng tên sử dụng, được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất TB điều chỉnh biến động sang tên ông Lê Thanh Ph, bà Lê Thị Kim H ngày 21/8/2006 cho ông Lê Thanh Ph bà Lê Thị Kim H.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và án phí, quyền kháng cáo bản án và thời hiệu để yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Lê Thanh L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 29/2023/DS-ST, ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã T B về phần buộc ông Lê Thanh L trả cho NHNNNTPTVN số tiền 1.626.619.792 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 750.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Phát biểu của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Lê Thanh L – Luật sư Nguyễn Văn M trình bày: Ông L thừa nhận có ký các thủ tục liên quan đến Hợp đồng tín dung số 193, các hợp đồng thế chấp với Ngân hàng như nguyên đơn trình bày, Ngân hàng không giao số tiền vay 750.000.000 đồng cho ông L nhận thể hiện tại trang 50 Bản kết luận điều tra số 46 ngày 05/02/2013 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh AG và các Biên bản về việc xác định các món vay khắc phục sai phạm của Chau SaRa V ngày 25/9/2012 của NHNNPTNT – Chi nhánh CL, và biên bản kiểm tra sổ quỹ tiền mặt ngày 04/12/2012 của NHNNPTNT – Chi nhánh CL do đó số tiền vay 750.000.000 đồng là giả thu, giả chi, không có thật nhằm hợp thức hóa làm giảm nhẹ tội của Chau SaRa V, ông Huỳnh Bửu L đối với Hợp đồng thế chấp tài sản số 193. Theo bản án sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã TB nhận định là hợp đồng tín dụng được ông L và cán bộ tín dụng của Ngân hàng tự thỏa thuận, nguyên đơn yêu cầu thanh toán giữa hai bên ký kết hợp đồng tín dụng với số tiền là 1.600.000.000 đồng là có cơ sở pháp lý. Quan điểm của của luật sư là theo nguyên tắc của Ngân hàng là có chi có thu, nhưng bản án sơ thẩm không buộc ngườii được nhận tiền tại Ngân hàng trả lại cho Ngân hàng mà giành quyền khởi

kiện cho ông L ở một vụ kiện khác là đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hơn nửa theo biên bản kiểm tra sổ quỹ ngày 04/12/2012 của Ngân hàng xác định là không có thu, không có chi thể hiện trên máy, mà do ông Bình, *ông Chau SaRa V* tự điều chỉnh lắp số ảo nhằm để lừa đảo chiếm đoạt số tiền của Ngân hàng. Vì vậy đề nghị với Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Thanh L sửa bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST, ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh AG nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Thanh L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã TB. Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành đúng trình tự thủ tục, bị đơn ông Lê Thanh Long kháng cáo trong hạn luật định, có đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét chấp nhận.

[2] Trên cơ sở các chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết vụ án thì nội dung vụ việc được xác định như sau NHNNPTNT khởi kiện yêu cầu ông Lê Thanh L trả số tiền vay tạm tính đến ngày 28/9/2023 là: 1.626.619.792 đồng, trong đó: nợ gốc 750.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 600.979.167 đồng, nợ lãi quá hạn 275.640.625 đồng và lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng trên số tiền gốc 750.000.000 đồng kể từ ngày tiếp theo cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp ông Long không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ, yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp đã ký kết để đảm bảo việc thu hồi.

[3] Xét đơn kháng cáo ông Lê Thanh L Hội đồng xét xử xét thấy vào ngày 05/8/2011, ông Lê Thanh L ký Hợp đồng tín dụng số 193/2011/HĐTD với NHNNPTNT - chi nhánh CL, vay số tiền 750.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, hạn trả cuối cùng ngày 05/8/2012, mục đích vay sản xuất lúa, sửa trẹc, mua máy gặt đập liên hợp, lãi suất cho vay trong hạn 20%, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, phương thức thanh toán trả gốc 01 lần ngày 05/8/2012, trả lãi theo định kỳ trả gốc.

Ngân hàng cho rằng đã giải ngân cho ông L số tiền vay 750.000.000 đồng thể hiện qua Bảng kê các loại tiền Ngân hàng chi ra ngày 05/8/2011 có chữ ký nhận tiền của ông L.

Tại trang 20, 22 Bản án hình sự phúc thẩm số 165/2014/HS-PT ngày 26/3/2014 của Tòa Phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh có nhận định:

"Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Thanh L về phần dân sự: Vì tin tưởng nên ông Lê Thanh L đã ký hợp đồng thế chấp giấy quyền sử dụng đất để vay số tiền 750.000.000 đồng của chi nhánh NHNNNTPT Chi Lăng rồi cho Huỳnh Bửu L2 sử dụng số tiền này nộp khắc phục hậu quả cho Chau Sara V. Tòa án cấp sơ thẩm xác định sự thỏa thuận giữa ông Lê Thanh L là tự nguyện nên không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Thanh L đòi bị cáo Huỳnh Bửu L phải trả số tiền 750.000.000 đồng cho Ngân hàng, mà tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi ông Lê Thanh L có yêu cầu khởi kiện đối với bị cáo Chau Sara V và Huỳnh Bửu L. Việc giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm như vậy là có căn cứ. Ông Lê Thanh Long kháng cáo nhưng không có tình tiết, chứng cứ gì mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận".

"Dành cho ông Lê Thanh Long quyền khởi kiện bị cáo Chau SaRa Vong và bị cáo Huỳnh Bửu Lộc bằng một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu lấy lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp vay 750.000.000 đồng nộp khắc phục cho bị cáo Chau Sara V".

Bản án hình sự phúc thẩm nêu trên đã có hiệu lực pháp luật nên nhận định trên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, có căn cứ xác định ông Long đã nhận được số tiền vay 750.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 193 và sử dụng số tiền này thỏa thuận, nộp khắc phục cho ông Chau Sara V.

Như vậy, Hợp đồng tín dụng số 193 được ông L và Ngân hàng ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005, khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được Ngân hàng, ông L cùng thừa nhận nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Ông L thừa nhận chưa thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 193. Do ông Long vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông L trả cho Ngân hàng số tiền tính đến hết ngày 28/9/2023 là 1.626.619.792 đồng, trong đó: nợ gốc 750.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 600.979.167 đồng, nợ lãi quá hạn 275.640.625 đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 193/2011/HĐTD ngày 05/8/2011 kể từ ngày 29/9/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ; không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông L về tuyên Hợp đồng tín dụng số 193 vô hiệu là có căn cứ.

- Đối với yêu cầu duy trì, xử lý Hợp đồng thế chấp tài sản số 193, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 193 để thu hồi nợ của Ngân hàng; yêu cầu phản tố của bị đơn về việc tuyên hợp đồng thế chấp số 193 vô hiệu; yêu

cầu độc lập của ông Ph, bà H về việc tuyên hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số193 vô hiệu, nhận thấy:

+ Đối với hợp đồng thế chấp tài sản số 193 được ký kết giữa Ngân hàng với ông L, có chứng thực của Uỷ ban nhân dân xã TL số 1361, có đăng ký giao dịch bảo đảm theo xác nhận của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất TB ngày 05/8/2011; tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 193 là Quyền sử dụng đất diện tích 14.904m^2 do ông Lê Thành L, bà Nguyễn Thị Kim L cùng đứng tên. Ông L cho rằng bà Nguyễn Thị Kim L1 với bà Nguyễn Kim L1 là một người với họ tên đầy đủ và chính xác là Nguyễn Thị Kim L1; bà L1 là vợ của ông L, đã chết ngày 06/11/2008 theo giấy chứng tử do Ủy ban nhân dân xã TL cấp. Quyền sử dụng đất diện tích 14.904m^2 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 193 do ông Long và bà Lan cùng đứng tên chủ sử dụng nhưng chỉ có ông L ký tên thế chấp. Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì tài sản chung của vợ chồng thuộc sở hữu chung hợp nhất; tại thời điểm xác lập hợp đồng thế chấp ngày 05/8/2011, cả Ngân hàng và ông L đều biết bà Lan đã chết, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa thực hiện thủ tục điều chỉnh biến động chủ sử dụng đất sang tên ông L nên việc chỉ có ông L xác lập hợp đồng thế chấp và Ngân hàng vẫn đồng ý xác lập hợp đồng thế chấp là vi phạm điều cấm của pháp luật, vi phạm vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự và thế chấp tài sản theo Điều 320, 342 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó, việc giao kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 193 giữa Ngân hàng với ông L là vô hiệu.

+ Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 193, nhận thấy: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 193 được ký kết giữa ông L, ông Ph, bà H với Ngân hàng; có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã TL số 1362, có đăng ký giao dịch bảo đảm theo xác nhận của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất TB ngày 05/8/2011. Trong đó, Ngân hàng là bên nhận thế chấp; ông Ph, bà H là bên thế chấp; ông L là bên vay tiền. Tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất diện tích 29.826m^2 do ông Lê Thanh Ph, bà Lê Thị Kim H đứng tên chủ sử dụng.

Ông Ph, bà H xác định không ký tên thế chấp Quyền sử dụng đất diện tích 29.826m^2 cho Ngân hàng. Theo Kết luận giám định số 274/KLGT-PC54 ngày 06/10/2015 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh AG, kết luận: *"chữ ký mang tên Lê Thanh Ph, Lê Thị Kim H trên tờ "Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba" số 193/2011/HĐBL ngày 05/8/2011 so với chữ ký của Lê Thanh Ph, Lê Thị Kim H trên các tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra*". Ngân hàng đồng ý với kết luận giám định nêu trên và không yêu cầu giám định lại. Do đó, có có cơ sở xác định ông Ph, bà H không ký tên thế chấp quyền sử dụng đất cho Ngân hàng. Việc ông L dùng tài sản bảo đảm không phải thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông L; chủ sử dụng là ông Ph, bà H không ký tên thế chấp Quyền sử dụng đất diện tích 29.826m^2 của ông bà để bảo đảm cho khoản vay 750.000.000 đồng của ông L là vi phạm quy định về vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự và thế chấp tài sản theo Điều 320, 342 Bộ luật Dân sự năm 2005. Mặt khác, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 193 còn vi phạm điều kiện có hiệu lực của hợp đồng quy định tại Điều 122 Bộ luật Dân sự

năm 2005. Vì vậy, việc ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 193 giữa Ngân hàng với ông L, ông Ph, bà H là vô hiệu.

Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về yêu cầu duy trì, xử lý Hợp đồng thế chấp tài sản số 193, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 193 để thu hồi nợ; tuyên Hợp đồng thế chấp tài sản số 193/2011/HĐTC, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 193/2011/HĐBL cùng ngày 05/8/2011 giữa Ngân hàng với ông L, ông Ph, bà H vô hiệu; Ngân hàng có trách nhiệm trả lại bản chính các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có liên quan cho ông L, ông Ph, bà H là có căn cứ.

Ông Lê Thanh L kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lê Thanh L phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Thanh L;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã TB.

Các Điều 91, 92, 147, 161, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 122, 127, 137, 320, 342, 471, Dân sự năm 2005; 474 và Điều 478 Bộ luật

- Các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điều 26, Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn NHNNPTNTVN.

1.1. Buộc ông Lê Thanh L trả cho NHNNPTNTVN số tiền *1.626.619.792 (một tỷ, sáu trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm mười chín nghìn, bảy trăm chín mươi hai đồng)*, trong đó:

Tiền vốn gốc là *750.000.000 (bảy trăm năm mươi triệu) đồng.*

Tiền lãi tính đến hết ngày 28/9/2023 là *876.619.792 (tám trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm mười chín nghìn, bảy trăm chín mươi hai) đồng*; trong đó, tiền lãi trong hạn *600.979.167 (sáu trăm triệu, chín trăm bảy mươi chín nghìn, một trăm sáu mươi bảy) đồng*, tiền lãi quá hạn *275.640.625 (hai trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn, sáu trăm hai mươi lăm) đồng*.

Kể từ ngày 29/9/2023 ông Lê Thanh L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 193/2011/HĐTD ngày 05/8/2011 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của NHNNPTNTVN thì lãi suất mà ông L vay phải tiếp tục thanh toán cho NHMNPTNTVN cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của NHNNPTNTVN về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 193/2011/HĐTC ngày 05/8/2011 giữa ông Lê Thanh L với NHNNPTNT chi nhánh CLvà Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 193/2011/HĐBL ngày 05/8/2011 giữa ông Lê Thanh Phúc, bà Lê Thị Kim Hvới NHNNPTNTchi nhánh CL.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Thanh L.

2.1. Tuyên Hợp đồng thế chấp tài sản số 193/2011/HĐTC ngày 05/8/2011 giữa ông Lê Thanh L với NHNNPTNT chi nhánh CL vô hiệu. Buộc NHNNNPNTVN chi nhánh CL giao trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0732lK do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) TB cấp ngày 06/10/2008 cho ông Lê Thành L, bà Nguyễn Thị Kim L1 đứng tên chủ sử dụng cho ông Lê Thanh Long.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Thanh L về tuyên Hợp đồng Hợp đồng tín dụng số 193/2011/HĐTD ngày 05/8/2011 giữa NHNNPTNTVN chi nhánh CL với ông Lê Thanh L vô hiệu.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh Ph, bà Lê Thị Kim H về yêu cầu tuyên Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 193/2011/HĐBL ngày 05/8/2011 giữa ông Lê Thanh Ph, bà Lê Thị Kim H với NHNPPTNT chi nhánh CL vô hiệu. Buộc NHNNPTNT chi nhánh CL giao trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00620 QSDĐ/lK do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) TB cấp ngày 28/3/1994 cho ông CK đứng tên sử dụng, được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất TB điều chỉnh biến động sang tên ông Lê Thanh Ph, bà Lê Thị Kim H ngày 21/8/2006 cho ông Lê Thanh Ph, bà Lê Thị Kim H.

4. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn NHNNPTNTVN có trách nhiệm hoàn trả cho ông Lê Thanh Ph, bà Lê Thị Kim H chi phí giám định là *1.820.000 (một triệu, tám trăm hai mươi nghìn) đồng*.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Thanh L phải chịu *60.594.063 (sáu mươi triệu, năm trăm chín mươi bốn nghìn, không trăm sáu mươi ba) đồn*g án phí dân sự sơ thẩm.

NHNNPTNTVN phải chịu *600.000 (sáu trăm nghìn) đồng* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền *30.122.000 (ba mươi triệu, một trăm hai mươi hai nghìn) đồng* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số TU/2013/02604 ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện (nay là thị xã) Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam được nhận lại số tiền chênh lệch là *29.522.000 (hai mươi chín triệu, năm trăm hai mươi hai nghìn) đồng* NHNNPTNTVN chi nhánh CL đại diện nhận).

Hoàn trả cho ông Lê Thanh L số tiền tạm ứng án phí đã nộp *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số TU/2022/0009215 ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TB, tỉnh AG

Hoàn trả cho ông Lê Thanh Ph, bà Lê Thị Kim H số tiền tạm ứng án phí đã nộp *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số TU/2022/0009216 ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TB, tỉnh AG.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Lê Thanh L phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số TU/2022/000938 ngày11/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã TB. Ông L đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh AG;
- Chi cục THADS thị xã TB;
- TAND thị xã TB;
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Minh Lễ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Hai **Phạm Thị Minh Châu** **Cao Minh Lễ**